

Số: 58/2026/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phân công, phân cấp tổ chức kiểm tra về phòng cháy,**  
**chữa cháy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 212/TTr-SXD ngày 20 tháng 8 năm 2026 và Giám đốc Sở Tư pháp tại số 538/BC-STP ngày 24 tháng 8 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định phân công, phân cấp tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.*

**Điều 1.** Phân công cho Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Kiểm tra định kỳ 01 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 1 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)*

2. Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định hoặc khi có yêu cầu phối hợp để phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở thuộc Nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

3. Nội dung kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

**Điều 2.** Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ, cụ thể:

1. Kiểm tra định kỳ 02 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 2 trên địa bàn hành chính do Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

2. Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định hoặc khi có yêu cầu phối hợp để phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trên địa bàn hành chính do Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý thuộc Nhóm 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

3. Nội dung kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

**Điều 3.** Kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn không áp dụng đối với các loại hình cơ sở, công trình, khu quân sự, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Công tác quản lý, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với các đối tượng này được thực hiện theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2026.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Hữu Học**

## PHỤ LỤC

### **Phân công tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ**

*( Kèm theo Quyết định số: 58/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

| TT | Loại hình cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhóm 1                                                                               | Phân công tổ chức kiểm tra nhóm 1 |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Nhà chung cư, nhà ở tập thể                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên | Sở Xây dựng                       |
| 2  | Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Có từ 150 cháu trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 2.000 m <sup>2</sup> trở lên       | Sở Xây dựng                       |
| 3  | Trường tiểu học; trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường đại học, trường cao đẳng; trường trung học chuyên nghiệp; trường dạy nghề; trường công nhân kỹ thuật; cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật về giáo dục; cơ sở nghiên cứu vũ trụ, trung tâm cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở nghiên cứu chuyên ngành khác | Có nhà cao từ 5 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên | Sở Xây dựng                       |
| 4  | Bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tổng số giường bệnh từ 250 giường trở lên                                            | Sở Xây dựng                       |
| 5  | Phòng khám (đa khoa hoặc chuyên khoa), trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở phòng chống dịch bệnh, cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm chuyên ngành y tế, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, dưỡng lão và cơ sở y tế khác theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh                                                                                                                               | Có nhà cao từ 5 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 2.000 m <sup>2</sup> trở lên | Sở Xây dựng                       |
| 6  | Sân vận động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Có sức chứa của khán đài từ 5.000 chỗ ngồi trở lên                                   | Sở Xây dựng                       |

|    |                                                                                                                                                                                       |                                                                                         |                |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 7  | Nhà thi đấu, nhà tập luyện các môn thể thao, bể bơi, sân thi đấu các môn thể thao có khán đài; trường đua, trường bắn; cơ sở thể thao khác được thành lập theo Luật Thể dục, thể thao | Có từ 5.000 chỗ ngồi trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 5.000 m <sup>2</sup> trở lên | Sở Xây dựng    |
| 8  | Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc                                                                                                                                                     | Có từ 300 chỗ ngồi trở lên                                                              | Sở Xây dựng    |
| 9  | Trung tâm hội nghị; bảo tàng; thư viện; nhà trưng bày; nhà triển lãm                                                                                                                  | Có nhà cao từ 5 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên    | Sở Xây dựng    |
| 10 | Thủy cung; cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường; cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí; cơ sở biểu diễn nghệ thuật, hoạt động văn hóa khác                               | Cao từ 4 tầng trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.000 m <sup>2</sup> trở lên        | Sở Xây dựng    |
| 11 | Cơ sở tôn giáo; cơ sở tín ngưỡng (trừ nhà thờ dòng họ)                                                                                                                                | Có nhà có tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                            | Sở Xây dựng    |
| 12 | Công trình di tích lịch sử - văn hóa                                                                                                                                                  | Cấp quốc gia đặc biệt                                                                   | Sở Xây dựng    |
| 13 | Chợ; trung tâm thương mại; siêu thị                                                                                                                                                   | Có tổng diện tích sàn từ 2.000 m <sup>2</sup> trở lên                                   | Sở Xây dựng    |
| 14 | Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở kinh doanh dịch vụ khác theo quy định của pháp luật                                                                                           | Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                                   | Sở Xây dựng    |
| 15 | Cơ sở kinh doanh hàng hóa dễ cháy                                                                                                                                                     | Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                                   | Sở Xây dựng    |
| 16 | Cơ sở kinh doanh hàng hóa khó cháy hoặc hàng hóa không cháy đựng trong bao bì dễ cháy                                                                                                 | Có tổng diện tích sàn từ 5.000 m <sup>2</sup> trở lên                                   | Sở Xây dựng    |
| 17 | Cơ sở kinh doanh khí đốt                                                                                                                                                              | Có tổng lượng khí đốt tồn chứa trên 500 kg                                              | Sở Công Thương |
| 18 | Cửa hàng xăng dầu                                                                                                                                                                     | Không phụ thuộc quy mô                                                                  | Sở Công Thương |
| 19 | Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; cơ sở nghỉ dưỡng, cơ sở dịch vụ lưu trú khác                                                                                                          | Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên    | Sở Xây dựng    |
| 20 | Buru điện; buru cục, cơ sở                                                                                                                                                            | Có nhà cao từ 7 tầng trở lên                                                            | Sở Xây dựng    |

|    |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                           |                |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|    | cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông khác                                                                                                                                                                                      | hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                                                   |                |
| 21 | Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở, nhà làm việc của doanh nghiệp, tổ chức chính trị, xã hội                                                                                                                           | Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                      | Sở Xây dựng    |
| 22 | Nhà đa năng, nhà hỗn hợp, trừ nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh                                                                                                                                                                 | Có nhà cao từ 7 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                      | Sở Xây dựng    |
| 23 | Nhà máy lọc dầu; nhà máy hóa dầu; nhà máy lọc, hóa dầu; nhà máy chế biến khí; nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học; kho chứa dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ; kho chứa khí hóa lỏng; trạm chiết nạp khí hóa lỏng; trạm phân phối khí đốt | Không phụ thuộc quy mô                                                                                    | Sở Công Thương |
| 24 | Nhà máy điện                                                                                                                                                                                                                     | Không phụ thuộc quy mô                                                                                    | Sở Công Thương |
| 25 | Trạm biến áp có điện áp từ 110 kV trở lên                                                                                                                                                                                        | Điện áp 500 kV                                                                                            | Sở Công Thương |
| 26 | Cơ sở sản xuất vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ công nghiệp, kho cố định chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ công nghiệp                                                                                                         | Không phụ thuộc quy mô                                                                                    | Sở Công Thương |
| 27 | Cơ sở sản xuất công nghiệp có nhà phục vụ sản xuất thuộc hạng nguy hiểm cháy nổ A, B                                                                                                                                             | Có khối tích từ 7.000 m <sup>3</sup> trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 1.000 m <sup>2</sup> trở lên   | Sở Công Thương |
| 28 | Cơ sở sản xuất công nghiệp có nhà phục vụ sản xuất thuộc hạng nguy hiểm cháy C                                                                                                                                                   | Có khối tích từ 15.000 m <sup>3</sup> trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 2.000 m <sup>2</sup> trở lên  | Sở Công Thương |
| 29 | Cơ sở sản xuất công nghiệp có nhà phục vụ sản xuất thuộc hạng nguy hiểm cháy D, E                                                                                                                                                | Có khối tích từ 30.000 m <sup>3</sup> trở lên hoặc có tổng diện tích sàn từ 10.000 m <sup>2</sup> trở lên | Sở Công Thương |
| 30 | Kho chứa hàng hóa có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B; kho chứa hàng hóa có hạng nguy hiểm cháy C                                                                                                                                     | Có tổng diện tích sàn từ 2.000 m <sup>2</sup> trở lên                                                     | Sở Công Thương |
| 31 | Kho dự trữ quốc gia                                                                                                                                                                                                              | Không phụ thuộc quy mô                                                                                    | Sở Công Thương |

|      |                                                                                                                                           |                                                                                    |                                                       |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 32   | Kho chứa hàng hóa có hạng nguy hiểm cháy D, E                                                                                             | -                                                                                  | Sở Công Thương                                        |
| 33   | Nhà để xe ô tô, xe máy, nhà trưng bày ô tô, xe máy                                                                                        | Có tổng diện tích sàn từ 2.000 m <sup>2</sup> trở lên                              | Sở Xây dựng                                           |
| 34   | Nhà máy nước, nhà máy xử lý chất thải                                                                                                     | Không phụ thuộc quy mô                                                             | Sở Xây dựng                                           |
| 35   | Cảng cạn                                                                                                                                  | Không phụ thuộc quy mô                                                             | Sở Xây dựng                                           |
| 36   | Bến xe khách; trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông; trạm dừng nghỉ                                                                  | Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                              | Sở Xây dựng                                           |
| 37   | Nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, đề - pô (depot) đường sắt; nhà ga cáp treo; nhà ga hành khách, đề - pô (depot) đường sắt đô thị       | Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                              | Sở Xây dựng                                           |
| 38   | Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm đường sắt đô thị                                                                                       | Chiều dài từ 1.000 m trở lên                                                       | Sở Xây dựng                                           |
| 39   | Cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ                                                                         | Có tổng diện tích sàn từ 3.000 m <sup>2</sup> trở lên                              | Sở Xây dựng                                           |
| 40   | Cơ sở trợ giúp xã hội                                                                                                                     | Có nhà cao từ 3 tầng trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 300 m <sup>2</sup> trở lên | Sở Xây dựng                                           |
| 41   | Hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao |                                                                                    |                                                       |
| 41.1 | Hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị, khu nhà ở, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao                                   | Từ 75 ha trở lên                                                                   | Sở Xây dựng                                           |
| 41.2 | Khu công nghiệp, cụm công nghiệp                                                                                                          | Không phụ thuộc quy mô                                                             | Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn |